

Bản án số: 34/2024/DS-PT

Ngày: 30 - 5 - 2024

“V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn.

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Thu Huyền và ông Nguyễn Quang Vũ .

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/ST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 98/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2023 và các Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu X, xã X, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số C, đường Đ, khu S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Người được ông H ủy quyền tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Hoàng Hồng Q, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Ông Hà Hồng Q1, sinh năm 1963.

- Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1987.

Đều có địa chỉ: Khu S, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Ông Hoàng Hồng Q, ông Hà Hồng Q1, bà T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 14/8/2023; quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thùy L trình bày: Ngày 01/6/2022, giữa chị và ông Nguyễn Văn H ký hợp đồng thuê nhà; nội dung hợp đồng thoả thuận là ông H cho chị thuê 01 ngôi nhà tại địa chỉ số C, đường Đ, khu S, huyện C, tỉnh Phú Thọ, ông H có nghĩa vụ cung cấp điện, nước và mạng internet để chị sử dụng, sau khi thuê nhà chị đã đầu tư lắp máy móc để mở cửa hàng răng giả, chị đã đầu tư dụng cụ mua thuốc để làm cửa hàng. Sau khi cửa hàng chị đi vào hoạt động thì tháng 9/2022, ông H đến đòi nhà, nói rằng trong thời hạn 15 ngày thì phải chuyển đồ đạc để trả lại nhà cho ông H, nếu không trả nhà thì ông H sẽ cắt điện, nước và mạng internet. Sau khi chị không đồng ý trả nhà thì cùng tháng 9/2022, ông H không cung cấp điện, nước và đường truyền dây mạng internet làm cho phòng răng của chị không hoạt động được, nên chị phải đóng cửa quán và đi ở nơi khác từ tháng 9/2022 đến nay. Việc ông H ngừng cung cấp điện, nước và đòi nhà đã cho chị thuê trước hạn đã gây thiệt hại cho chị.

Chị khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê nhà đến ngày 01/6/2024 theo thoả thuận và bồi thường cho chị các khoản tiền như sau:

- Tiền bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm do ông H có lời nói xúc phạm chị số tiền 20.000.000đồng;

- Bồi thường thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất từ cửa hàng răng giả của chị do ông H không cung cấp điện, nước từ tháng 9/2022 đến hết tháng 6/2023, số tiền 300.000.000đồng;

- Bồi thường thiệt hại do chị đầu tư tài sản để làm cửa hàng sửa răng số tiền 30.000.000đồng;

- Bồi thường thiệt hại về tiền thuốc và dụng cụ y tế chị mua về để phục vụ mở cửa hàng và các đồ dùng trong nhà thiệt hại số tiền 70.000.000đồng.

Tổng cộng chị yêu cầu ông H phải bồi thường thiệt hại là 420.000.000đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, chị L thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê giải quyết, buộc ông H phải tiếp tục thực hiện hợp đồng và bồi thường thiệt hại cho chị tổng cộng các khoản như sau:

Tiền bồi thường danh dự, nhân phẩm số tiền 20.000.000đồng; bồi thường thiệt hại mất thu nhập từ tháng 9/2022 khi xét xử sơ thẩm ngày 29/9/2023 số tiền 200.000.000đồng; tiền bồi thường thiệt hại về thuốc, dụng cụ y tế, đồ dùng trong nhà thiệt hại số tiền 180.000.000đồng. Tổng cộng là 400.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 23/8/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông thừa nhận ngày 01/6/2022, ông có ký hợp đồng cho chị Nguyễn Thùy L thuê 01 ngôi nhà (loại nhà ống) tại địa chỉ số C, đường Đ, khu S, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ như chị L đã trình bày. Hai bên thoả thuận thời hạn hợp đồng là 24 tháng kể từ ngày ký và thanh toán tiền nhà lần đầu là 6 tháng, lần sau sẽ thanh toán 2 tháng/lần. Chị L đã thanh toán cho ông tiền thuê nhà 6 tháng đầu tiên, hai bên thoả thuận chị L chỉ phải trả ông số tiền 10.000.000đồng, còn ông cho lại 2.000.000đồng. Đến tháng 9/2022, do con ông có nhu cầu xây dựng

nhà cho con của ông ở phần đất phía sau của ngôi nhà cho chị L thuê, nhưng không có lối trở vật liệu vào để làm nhà, nên ông đã đến nhà chị L thuê để nói chuyện, đề nghị chị L cho chấm dứt hợp đồng thuê nhà trước thời hạn, nếu chị L đồng ý thì ông sẽ phá bỏ ngôi nhà cũ này để có lối trở nguyên vật liệu vào làm nhà và hỗ trợ chị L số tiền 10.000.000 đồng để chị chuyển nhà, hoặc là xây cho chị một phòng khác liền kề để ông đập nhà cũ lấy lối đi trở vật liệu vào làm nhà, nhưng chị L không đồng ý nên ông đành phải hoãn việc làm nhà và vẫn tiếp tục để chị L sử dụng nhà thuê, nhưng ông không có hành vi lãng mạ chị L làm ảnh hưởng danh dự, nhân phẩm của chị L; không có hành vi ngừng cung cấp điện, nước của chị L như chị đã trình bày, mà lý do mất điện, mất nước như sau:

Lý do mất điện: Do năm 2021, gia đình ông mua lại ngôi nhà cũ và đất của cụ Đàm Thị T1 nên vẫn sử dụng nguồn điện trước đây của cụ T1 đăng ký tên sử dụng với điện lực C. Việc thanh toán tiền điện hàng tháng trước đây do con dâu của cụ Thế là bà Hà Thị Tuyết M thực hiện, thông qua tài khoản ngân hàng N chi nhánh C1 của bà M. Sau khi ký hợp đồng, ông đã thống nhất với chị L là việc chị sử dụng điện, chị L sử dụng hết bao nhiêu tiền điện thì chị trao đổi với bà M để thực hiện chi trả tiền và chị L nhất trí, sau đó chị L trả tiền điện hàng tháng cho bà M; sau khi sử dụng một thời gian thì giữa chị L và bà M thoả thuận với nhau như thế nào thì ông không biết, chị L cho rằng ông ngừng cung cấp điện cho nhà chị thuê là không đúng.

Lý do mất nước: Khi gia đình ông cho chị L thuê nhà thì gia đình ông và gia đình bà T1 sử dụng chung nguồn nước giếng, nhưng hai gia đình sử dụng máy bơm nước riêng; sau khi chị L thuê nhà thì vẫn tiếp tục sử dụng nước giếng cùng với gia đình ông. Tại thời điểm tháng 9/2022, giếng nước của gia đình ông bị cạn, có lúc thiếu nước, gia đình ông cũng lâm vào tình trạng thiếu nước là lý do khách quan; khi giếng còn ít nước có lúc bơm được, có lúc không bơm được thì ông đã thông báo tình trạng này cho chị L và đề nghị chị L chủ động tìm nguồn nước khác, để phòng khi giếng hết nước, nhưng sau đó giếng có nước nhưng chị L cũng không mở quán để làm răng, không sử dụng nước; chị L còn đến nhà anh Hà Sơn T2 ở cùng dãy nhà ông, cách nhà ông khoảng 50 mét để xin được sử dụng nước máy nhờ và chị L cũng đã nối được nước máy và sử dụng chung với gia đình anh T2. Nên chị L cho rằng ông không cung cấp nước cho chị sử dụng là không đúng.

Trong khi đó, từ khi ký hợp đồng thuê nhà, chị L là người đang trực tiếp quản lý nhà thuê, quản lý chìa khoá nhà nhưng chị L không ở, không kinh doanh từ tháng 9/2022 đến nay thì không thể có thu nhập, nhưng lại yêu cầu ông phải bồi thường các khoản thiệt hại mất thu nhập; đòi bồi thường thiệt hại về tài sản là không có căn cứ và ông cũng không có hành vi chửi bới hay xúc phạm chị L dẫn tới chị L tổn thất về tinh thần, nên ông không đồng ý bồi thường các khoản thiệt hại theo yêu cầu của chị L và ông H không yêu cầu tranh chấp nào khác đối với chị L.

Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản thể hiện: Chị L vẫn đang trực tiếp quản lý, sử dụng nhà thuê và quản lý chìa khoá; các đồ đạc của chị L đã được liệt kê, định giá tài sản theo đề nghị của chị L gồm có: ống nhựa tiền phòng trị giá 250.000đồng; ống nhựa chịu nhiệt dài 64 mét trị giá 400.000đồng; dây điện điều hòa 10 mét trị giá 100.000đồng; xốp dán tường 27m² trị giá 405.000đồng; điều hòa nagakawa loại 12.000W trị giá 10.000.000đồng; máy làm răng + máy phụ kiện trị

giá 60.000.000đồng; 02 quạt điều hòa trị giá 6.000.000đồng; 01 lò sưởi trị giá 4.000.000đồng; 01 lò hấp dụng cụ trị giá 500.000đồng; 01 ti vi LG trị giá 3.000.000đồng; 01 máy giặt trị giá 8.000.000đồng; 02 tủ sắt hòa phát trị giá 3.000.000đồng; 01 bộ S (1 ghế da lớn và 01 ghế da nhỏ) trị giá 8.000.000đồng; 01 bàn kính khung sắt trị giá 500.000đồng; 01 nồi cơm điện trị giá 4.000.000đồng; 01 nồi chiên không dầu trị giá 500.000đồng; 02 biển quảng cáo trị giá 1.000.000đồng; 01 máy bơm nước trị giá 300.000đồng; 01 máy hợp trị giá 200.000đồng; 01 cây nước nóng lạnh trị giá 500.000đồng và 01 máy lọc không khí trị giá 2.000.000đồng. Tổng giá trị tài sản của 21 loại tài sản chi L để trong phòng thuê trị giá là 112.655.000đ (Một trăm mười hai triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã:

Căn cứ vào Điều 472, 474, 476, Điều 482 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thùy L và ông Nguyễn Văn H về việc chị Nguyễn Thùy L và ông Nguyễn Văn H tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê nhà ký giữa chị Nguyễn Thùy L và ông Nguyễn Văn H ngày 01/6/2022, thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 01/6/2024.

2. Bác yêu cầu của chị Nguyễn Thùy L đối với ông Nguyễn Văn H về việc chị Nguyễn Thùy L yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thùy L do bị tổn thất về danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm số tiền 20.000.000đồng; bồi thường thiệt hại về mất thu nhập số tiền 200.000.000đồng và bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 180.000.000đồng. Tổng số tiền bị bác là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thùy L phải nộp 75.000 đồng đối với thỏa thuận tiếp tục hợp đồng thuê nhà giữa ông Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị L1 ký ngày 01/6/2022 và 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại không được chấp nhận. Xác nhận chị L1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008282 ngày 17/8/2023 và 8.250.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008286 ngày 28/8/2023, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Tổng cộng chị L1 đã nộp 8.550.000đồng tạm ứng án phí. Chị L1 còn phải nộp 11.525.000đ (Mười một triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn H phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thùy L phải nộp 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) lệ phí Tòa án. Xác nhận chị Nguyễn Thùy L đã nộp đủ số tiền này.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 09/10/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thùy L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm 19/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ với lý do: Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê vi phạm nghiêm trọng trong quá trình giải quyết vụ án. Yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Kèm theo đơn kháng cáo chị L nộp các tài liệu gồm: bản photo bản án sơ thẩm, photo giấy xác nhận, photo hợp đồng thuê nhà, photo thông tin tin nhắn.

Tại phiên tòa ngày 22/3/2024 chị Nguyễn Thùy L đề nghị cấp phúc thẩm xác minh lời khai của người làm chứng mà chị L cung cấp tại phiên tòa và đề nghị hoãn phiên tòa để Tòa án xác minh những người này nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa.

Ngày 26/3/2024 Tòa án ra Quyết định ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê thu thập chứng cứ lấy lời khai của những người làm chứng mà chị L cung cấp và xác minh tại Công an thị trấn C.

Ngày 22/4/2024 Tòa án huyện Cẩm Khê lấy lời khai của ông Hà Hồng Q1, sinh năm 1963. Trú tại Khu S, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Ông Q1 trình bày ông là Trưởng khu S, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Ông Nguyễn Văn H là công dân khu S, ông H có nhà cho thuê nhưng ông không biết ông H cho ai thuê nhà, khi Tòa án huyện C giải quyết việc tranh chấp giữa ông H và bà Nguyễn Thùy L báo ông đến nhà ông H cho chị L thuê để chứng kiến việc xem xét thẩm định khi đó ông mới biết chị L thuê nhà của ông H.

Quá trình chị L thuê nhà của ông H, chị L và ông H có xảy ra mâu thuẫn, chửi bới súc phạm nhau hay không thì ông không biết vì không thấy chị L hay ông H báo cáo với khu dân cư. Trong thời gian chị L ở nhà thuê của ông H, ông không biết việc chị L sử dụng điện nước như thế nào, chị L thuê nhà của ông H ở đó hay không ở đó thời gian nào ông không nắm được vì không thấy chị L báo cáo. Nhà ông H cho chị L thuê sử dụng nước giếng hay nước máy ông không biết, do vậy là vấn đề giếng của nhà ông H, ngoài những nội dung trên thì khoảng tháng 3 năm 2024 chị L có đến nhà ông báo cáo ông đến làm chứng cho việc hiện tại quán chị L thuê nhà của ông H không có điện nước. Ông không có giấy tờ gì cho Tòa án.

Ông Q1 cung cấp thông tin của chị Hoàng Thị T sinh năm 1987, cư trú tại số nhà C, đường Đ, khu S, thị trấn C, huyện C, theo thông tin gia đình chị T cung cấp hiện nay chị T đang điều trị tại bệnh viện D không có mặt tại địa phương.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2024, ông Hoàng Hồng Q, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Ông Q khai có biết chị L qua anh

trai của chị L là anh T3, do anh T3 hay gọi anh đến sửa chữa điện nước. Thời gian đầu chị L mới thuê nhà tại số nhà C đường Đ, thị trấn C, chị L có gọi anh đến để đi đường nước cho chị L sử dụng, sau đó khoảng 2 đến 3 tháng chị L lại gọi anh đến sửa đường nước cho chị L, khi anh đến để kiểm tra cắm dây máy bơm thì thấy bị tóa lửa nên chị L sang nhà ông H là chủ nhà mà chị L thuê gọi để kiểm tra máy bơm, vợ ông H sang nói khó nghe nên anh không sửa chữa đường nước cho chị L nữa.

Ngoài thông tin trên anh không biết thêm thông tin nào khác nên không đồng ý xác nhận người làm chứng cho chị L về vấn đề gì.

Anh đề nghị Tòa án không báo gọi và giải quyết xét xử vắng mặt.

Tại biên bản xác minh tại Công an thị trấn C ngày 22/4/2024, ông Trần Tiến H2 - Trưởng Công an thị trấn C trình bày: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960 là Công dân khu S, T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Chị Nguyễn Thùy L không có thông tin đăng ký tạm trú tại địa phương, việc chị L thuê nhà của ông H, ông H và chị L đều không báo cho Công an thị trấn biết, khoảng tháng 2 năm 2023 chị L đến Công an thị trấn C để trình báo về việc ông H đập phá tường rào của chị L, Công an thị trấn cho cán bộ vào làm việc thì mới được biết chị L thuê nhà của ông H, bức tường mà chị L báo ông H đập là tường của ông H, ông H đập để trở nguyên vật liệu xây nhà, sau khi xác định không thuộc thẩm quyền giải quyết nên Công an thị trấn không làm việc về nội dung chị L trình báo. Ngoài nội dung trên Công an thị trấn không biết thông tin nào khác liên quan đến việc ông H cho chị L thuê nhà, hay mâu thuẫn giữa chị L và ông H trong quá trình chị L thuê nhà của ông H.

Ngày 06/5/2021 chị L cung cấp 01 Vi Bằng số 12/2024/VB-TPLQNTL ngày 06/5/2024 của Văn phòng thừa phát lại quận N về việc khi Hội đồng thẩm định và định giá tài sản tại gian nhà chị L thuê của ông H. Kèm theo 01 đĩa CD có đóng dấu của văn phòng thừa phát lại và 01 USB nhãn hiệu SanDisk.

Ngày 28/3/2024, ông Nguyễn Văn H xuất trình các chứng cứ, 01 bản khai có nội dung không chửi bới, đập phá và cắt điện nước của chị L, việc chị L tự ý sửa chữa nhà cho thuê không hỏi ý kiến của gia đình ông, chị L tự ý mở phòng khám T4 không có trong hợp đồng thuê nhà; 01 USB có ghi lại sự việc tranh chấp trong khi thuê nhà; các hóa đơn thu tiền điện của chị L từ tháng 6/2022 đến tháng 4/2023 và giấy ủy quyền của ông H.

Ngày 29/3/2024, ông Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chị L trả tiền thuê nhà từ 01/12/2022 đến 29/3/2024 là 15 tháng x 2.000.000đồng = 30.000.000đồng; Tiền mạng 21 tháng x 50.000đồng = 1.050.000đồng. Tổng cộng 31.050.000đồng kèm theo lãi chậm trả theo lãi xuất ngân hàng, đồng thời chấm dứt Hợp đồng thuê nhà với chị L

Xử lý hành vi vu khống của chị L đối với ông H là chửi bới, dọa nạt chị L làm ảnh hưởng danh dự, nhân phẩm của ông, vu khống cắt điện nước không cho chị L sử dụng.

Tại phiên tòa ngày 09/5/2025, chị L khai sau khi thuê nhà ông H, chị mở phòng khám răng hàm mặt, chị có bằng cấp chuyên môn, có giấy phép hành nghề, chị đã mua thiết bị, máy móc đã đi vào hoạt động, có sổ theo dõi khám chữa bệnh, chị sẽ cung cấp cho Hội đồng xét xử. Do vậy Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa và ra Quyết định yêu cầu chị L cung cấp các chứng cứ trên.

Ngày 22/5/2024, chị L có bản giải trình và đề nghị Tòa án chỉ giải quyết ông H vi phạm Hợp đồng thuê nhà đã cắt điện nước nên chị không kinh doanh được, chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết về Giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, bằng cấp, giấy tờ sổ sách thuế của chị.

Tòa án huyện Cẩm Khê kết luận trong Bản án tiếp tục duy trì hợp đồng thuê nhà đã ký kết giữa chị và ông H nhưng ông H không cung cấp điện nước, mạng internet nên không thực hiện được. Chị đề nghị ông H phải bồi thường cho chị như ở cấp sơ thẩm chị yêu cầu.

Tại phiên tòa, ngày 30/5/2024, chị Nguyễn Thùy L thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo không đề nghị ông H phải bồi thường thiệt hại do bị tổn thất về danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm số tiền 20.000.000đồng; giữ nguyên nội dung kháng cáo về yêu cầu gia đình ông H bồi thường thiệt hại về mất thu nhập số tiền 200.000.000đồng và bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 180.000.000đồng. Tổng cộng là 380.000.000đ.

Chị không có thỏa thuận với ông H về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng như cấp sơ thẩm đã tuyên.

Ông Nguyễn Văn H và đại diện theo ủy quyền của ông H đề nghị không nhất trí kháng cáo của chị L. Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ông H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo nội dung đơn phản tố của ông đã gửi cấp phúc thẩm và yêu cầu chị L trả tiền thuê nhà từ 01/12/2022 đến 29/3/2024 là 15 tháng x 2.000.000đồng = 30.000.000đồng; Tiền mạng 21 tháng x 50.000đồng = 1.050.000đồng. Tổng cộng 31.050.000đồng kèm theo lãi chậm trả theo lãi xuất ngân hàng, đồng thời chấm dứt Hợp đồng thuê nhà vợ chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu về quan điểm nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS; khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn buộc ông H bồi thường số tiền 20.000.000 đồng do bị thiệt hại về danh dự, nhân phẩm.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của chị L.

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 19/2023/ST-DS ngày 29/9/2023 của TAND huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo hướng:

Giữ nguyên các nội dung của Bản án về việc: chấp nhận sự thoả thuận của chị L và ông H về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê nhà và bác yêu cầu của chị L đối với ông Nguyễn Văn H về việc chị L yêu cầu ông H bồi thường 200.000.000 đồng vì mất thu nhập và 180.000.000 đồng về thiệt hại tài sản.

Giữ nguyên án phí về việc công nhận thoả thuận.

Sửa án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại không được chấp nhận từ 20.000.000 đồng xuống 19.000.000 đồng.

Về án phí: Chị L không phải chịu án phí phúc thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. (có bài phát biểu chi tiết kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thùy L làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ được xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 09/5/2024, ông Hà Hồng Q1 và bà Hoàng Thị T là người làm chứng vắng mặt, các bên đương sự và đại diện Viện kiểm sát đều đề nghị xét xử vắng mặt những người này nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để chị L cung cấp chứng cứ về chứng chỉ hành nghề răng hàm mặt của chị L. Do vậy Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa ngày 30/5/2024. Tại phiên tòa ngày 30/5/2024 chị L, ông H và chị H1 đều có mặt, những người làm chứng đều vắng mặt. Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Xét về nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thùy L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong đơn kháng cáo chị L trình bày Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để điều tra lại. Đơn kháng cáo của chị L chỉ nêu Tòa án vi phạm nghiêm trọng thủ tục không nêu cụ thể là vi phạm gì trong tố tụng. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm từ khi thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn, tiến hành các hoạt động tố tụng như lấy lời khai nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng; tiếp cận công khai chứng cứ, tổ chức hoà giải; tiến hành thẩm định và định giá tài sản, đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Phiên tòa xét xử lần thứ nhất

nguyên đơn có đơn xin hoãn phiên tòa và Tòa án chấp nhận, Tòa án mở lại phiên tòa xét xử vào ngày 29/9/2023, thời hạn đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hoạt động của những người tiến hành tố tụng trước phiên tòa gồm có thẩm phán và thư ký, tại phiên tòa gồm hội đồng xét xử, thư ký, kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Căn cứ Vi B do chị L cung cấp không thể hiện cấp sơ thẩm vi phạm gì. Do vậy kháng cáo của chị L cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

Về nội dung chị L kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án của cấp sơ thẩm: Hội đồng xét xử nhận thấy.

Chị L cho rằng chị và ông H không có thỏa thuận tiếp tục duy trì hợp đồng thuê nhà như Bản án sơ thẩm đã tuyên. Xét thấy tại Biên bản phiên tòa ngày 29/9/2023 của cấp sơ thẩm, chị L và ông H đều đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê nhà mà các bên đã ký kết, đây là sự thống nhất tự nguyện của các bên đương sự, không vi phạm quy định của pháp luật và không trái đạo đức của xã hội nên cấp sơ thẩm đã công nhận sự thỏa thuận giữa các bên đương là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu bồi thường số tiền mất thu nhập 200.000.000 đồng do ông H ngừng cung cấp điện, ngừng cung cấp nước, mạng dẫn đến cửa hàng của chị không thể kinh doanh được dẫn đến mất thu nhập, nhận thấy: Căn cứ vào Hợp đồng thuê nhà đã lập, hai bên thỏa thuận: “Tự đóng tiền điện cho điện lực C theo công tơ đọc hàng tháng” và “Dùng nước giếng khoan”. Căn cứ vào lời trình bày của người làm chứng của chị Hà Thị Tuyết M (là con dâu của bà Đàm Thị T1) thể hiện giữa chị L và ông H thỏa thuận chị L được quyền tiếp tục sử dụng nguồn điện có từ thời điểm nhà ông H mua của cụ T1 đã có sẵn công tơ điện, chị L đã sử dụng điện qua công tơ điện của cụ T1, ngày 02/3/2023 cụ T1 có đơn ngừng cấp điện, phía ông H cung cấp các hóa đơn đóng tiền điện đứng tên cụ Thế mà chị L là người đóng tiền điện cho đến tháng 4 năm 2023. Trước khi cụ T1 có đơn ngừng cấp điện chị L và gia đình cụ T1 cũng đã có sự thống nhất, nếu chị L muốn sử dụng điện thì phải liên hệ với ông H để chuyển tên sử dụng điện mới, nhưng chị L không thực hiện nên mới bị cắt điện.

Về việc sử dụng nguồn nước, chị L và ông H đều thừa nhận sử dụng nguồn nước từ giếng của gia đình ông H có từ trước khi chị L thuê nhà. Trong khi thuê nhà, chị L và ông H đều có và sử dụng máy bơm nước riêng, nguồn điện bơm nước của chị L cũng riêng nên việc bơm nước chị L đều có thể chủ động. Tại cấp phúc thẩm chị L và ông H đều thừa nhận có những thời điểm giếng không có nước, chị L và gia đình ông H đều phải đi xin nước để sử dụng, theo người làm chứng là anh Hà Sơn T2 là người cùng dãy nhà nơi chị L thuê trình bày khoảng tháng 3/2023, chị L có sang gặp gia đình anh và hỏi xin sử dụng nhờ nguồn nước máy do nước giếng bị cạn và không đảm bảo chất lượng sử dụng thì anh nhất trí cho chị L được đấu dây để sử dụng chung nguồn nước máy với gia đình anh, sau khi chị L sử dụng được một thời gian ngắn thì do gia đình anh cùng chung nguồn nước của khu nên đề nghị chị L không tiếp tục dùng nước chung của gia đình anh nữa. Như vậy, chị L cũng thừa nhận do nước giếng bị cạn, không đảm bảo chất lượng nước và chị L cũng đã khắc

phục được nguồn nước bằng việc xin đầu cùng với gia đình anh T2 ở cùng khu tại thời điểm tháng 3 năm 2023. Đối với việc ngừng cung cấp mạng: Tại Bản án sơ thẩm không đề cập đến vấn đề này nhưng đối với mạng Internet trong thời đại công nghệ hiện nay chị L hoàn toàn không bị phụ thuộc vào nguồn cung cấp duy nhất từ phía ông H mà có thể chủ động sử dụng mạng không dây hoặc lắp đặt đường truyền có dây. Việc không có mạng sử dụng không phải do lỗi của ông H. Việc chị L trình bày không ở căn nhà thuê từ tháng 10/2022. Tuy nhiên, căn cứ vào hồ sơ hòa giải tranh chấp giữa hai bên tại thị trấn C đến ngày 20/02/2023, chị L đã mới đề nghị thị trấn C hòa giải tranh chấp giữa hai bên. Căn cứ vào lời khai của người làm chứng và tài liệu do bị đơn cung cấp xác định tháng 3 năm 2023 chị L vẫn xin và sử dụng nước máy cùng gia đình ông T2, và đến ngày 02/3/2023 gia đình cụ T1 mới có đơn xin ngưng cung cấp hợp đồng điện. Vì vậy, trước thời điểm tháng 3/2023, nhà thuê của chị L vẫn đảm bảo nguồn điện để chị L sử dụng và vẫn có điện để bơm nước giếng sử dụng. Việc nguồn điện ngừng do chính chị L không trao đổi với ông H để chuyển tên sử dụng điện mới, không xuất phát từ phía ông H. Do vậy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị L yêu cầu gia đình ông H bồi thường số tiền 200.000.000đồng là có căn cứ.

Việc chị L yêu cầu gia đình ông H bồi thường thiệt hại về tài sản của chị để tại nhà ông H bị hư hỏng do không có điện nước mở quán kinh doanh số tiền 180.000.000đ bồi thường: Nhận thấy các tài sản của chị L do chị L chuyển đến nhà thuê của ông H để phục vụ việc mở cửa hàng rặng và phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của chị L. Chị đã được ông H giao nhà để quản lý, chị được trực tiếp quản lý chìa khóa để mở cửa, đóng cửa nhà thuê. Nên chị phải có nghĩa vụ tự quản lý, sử dụng tài sản của mình, ông H không cắt điện, cắt nước gây cản trở chị trong việc sử dụng tài sản. Mặt khác chị L ký hợp đồng với ông H để ở, việc chị L mở phòng khám rặng hàm mặt không nằm trong hợp đồng thuê nhà, cấp phúc thẩm đã yêu cầu chị L cung cấp các điều kiện kinh doanh nhưng chị L cho rằng không liên quan đến việc ký hợp đồng thuê nhà nên chị không cung cấp. Vì vậy không có căn cứ để buộc ông H phải bồi thường thiệt hại các tài sản theo yêu cầu của chị L. Do vậy cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của chị L về yêu cầu gia đình ông H bồi thường về danh dự, nhân phẩm số tiền 20.000.000đồng, tại phiên tòa phúc thẩm chị L xin rút yêu cầu kháng cáo này. Xét thấy việc rút yêu cầu của chị L là hoàn toàn tự nguyện, do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết theo yêu cầu này của chị L.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 30/5/2024, chị L cung cấp Thông báo số 000239/TB ngày 06/03/2023 của Công an thị trấn C về kết quả, giải quyết huỷ bỏ đăng ký cư trú đối với chị Nguyễn Thùy L nhưng do chị L cung cấp là bản phô tô nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Thông qua việc xem xét kháng cáo của chị L, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm buộc chị L phải chịu án phí về yêu cầu bồi thường về danh dự, nhân phẩm cho chị L số tiền 20.000.000đồng là không đúng quy định của pháp luật. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chị L không phải chịu án phí. Do vậy cấp phúc thẩm sửa bản án của cấp sơ thẩm về phần án phí này.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thùy L,

[6] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Nguyễn Thùy L không được chấp nhận nhưng cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án của cấp sơ thẩm nên chị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thùy L.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ về phần án phí sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 472, Điều 474, Điều 476, Điều 482 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thùy L và ông Nguyễn Văn H về việc chị Nguyễn Thùy L và ông Nguyễn Văn H tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê nhà ký giữa chị Nguyễn Thùy L và ông Nguyễn Văn H ngày 01/6/2022, thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 01/6/2024.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị L về việc chị L yêu cầu gia đình ông H bồi thường về danh dự, nhân phẩm số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

3. Bác yêu cầu của chị Nguyễn Thùy L về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải bồi thường thiệt hại về mất thu nhập số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) và bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 180.000.000đồng. Tổng cộng là 380.000.000đ (Ba trăm tám mươi triệu đồng).

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thùy L phải nộp 75.000 đồng đối với thỏa thuận tiếp tục hợp đồng thuê nhà giữa ông Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị L1 ký ngày

01/6/2022 và 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại không được chấp nhận. Tổng cộng 19.075.000đồng (Mười chín triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Xác nhận chị L1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008282 ngày 17/8/2023 và 8.250.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008286 ngày 28/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Tổng cộng chị L1 đã nộp 8.550.000đồng tạm ứng án phí. Chị L1 còn phải nộp 10.525.000đ (Mười triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn H phải nộp 75.000 đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thùy L phải nộp 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) lệ phí Tòa án. Xác nhận chị Nguyễn Thùy L đã nộp đủ số tiền trên.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thùy L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho chị L 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004712 ngày 16/10/2023 tại Chi cục thi hành án huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

“Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết kháng cáo và kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay kể từ khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- TAND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- Đương sự;
- UBND huyện Cẩm Khê;
- Lưu HS, AV;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Văn Toàn